

CÔNG TY CỔ PHẦN 22

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
22

DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Long Biên,
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN 22,
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100
512724

Date: 2018.03.27 08:53:12 +07'00'



CÔNG TY CỔ PHẦN 22
22 Joint Stock Company

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017 **CÔNG TY CỔ PHẦN 22**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100512724 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2007 do

Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 10 ngày 01/09/2016

Địa chỉ: 763 Nguyễn Văn Linh, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3875 5946 Số Fax: (84-24) 3827 6928

Website: <http://congy22.net.vn/>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN 22
NĂM 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty cổ phần 22

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100512724 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2007 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 10 ngày 01/09/2016.

Vốn điều lệ: 35.500.000.000VND (*Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ, năm trăm triệu đồng*)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 35.500.000.000VND (*Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ, năm trăm triệu đồng*)

Địa chỉ: 763 Đường Nguyễn Văn Linh phường Sài Đồng quận Long Biên thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: (84-24) 3875 5946

Số fax: (84-24) 3827 6928

Website: <http://congty22.net.vn/>

Mã cổ phiếu: C22

Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1970 cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam đã và đang giành được những thắng lợi hết sức to lớn. Trong đó có phần đóng góp quan trọng của ngành Hậu cần quân đội. Với tinh thần tập trung mọi nguồn lực phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ chiến đấu. Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần (TCHC) đã quyết định thành lập Xí nghiệp chế biến thực phẩm 22 vào ngày 22/12/1970 tiền thân của Công ty 22 - TCHC và Công ty cổ phần 22 ngày nay.

Những ngày đầu mới thành lập, Xí nghiệp có 5 phân xưởng sản xuất, 1 chi bộ đảng với 16 đảng viên đặt dưới sự chỉ huy quản lý của Kho 205 - Cục Quân nhu - TCHC. Đến đầu năm 1973 do yêu cầu nhiệm vụ Xí nghiệp đã được điều chuyển về trực thuộc Cục Quân nhu. Những sản phẩm đầu tiên của Xí nghiệp là các loại mì thanh, mì sợi, mì trứng, bánh ép mặn, lương khô, cơm sấy, mứt cô hành quân K50, thịt ướp, bột cháo, nước quả ép... Năm 1987, Xí nghiệp 22 được điều chuyển từ Cục Quân nhu về trực thuộc Tổng cục Hậu cần.

Trước yêu cầu đòi hỏi trong giai đoạn cách mạng mới, để tổ chức sắp xếp lại các doanh nghiệp của Ngành Hậu cần Quân đội. Ngày 22/4/1996 Bộ Quốc

phòng ra Quyết định 568/QĐ - QP đổi tên Xí nghiệp 22 thành Công ty 22 trực thuộc Tổng cục Hậu cần. Ngày 11/6/1996 Tổng cục Hậu cần ra Quyết định số 78/QĐ - H16 sáp nhập Xí nghiệp 24 thuộc Cục Quân nhu về Công ty 22 và ngày 15/9/2003 Tổng cục Hậu cần ra Quyết định số 444/QĐ-H16 chuyển giao Xí nghiệp 198 - Công ty 20 về trực thuộc Công ty 22. Việc sát nhập và điều chuyển đó đã mang lại thay đổi lớn cho công ty.

Năm 2007 thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong nền kinh tế hội nhập quốc tế, Công ty 22 được cổ phần hóa và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với nhiều thời cơ và thách thức mới.

Năm 2014, Công ty thành lập Trung tâm dịch vụ xử lý nước với chức năng cung cấp thiết bị và chuyển giao công nghệ xử lý nước thải, xử lý làm sạch nước tiêu dùng và sản xuất nước tinh khiết đóng chai... nhằm đáp ứng nhu cầu của bộ đội và đời sống nhân dân. Hiện Trung tâm đã và đang triển khai nhiều công trình có chất lượng cao như: Công trình xử lý nước cung cấp nước sạch cho phòng chạy thận và phòng mổ của Bệnh viện 354, Sở chỉ huy cơ quan Bộ Quốc phòng, Văn phòng Chính phủ; lắp đặt các thiết bị xử lý nước cho bếp lò hơi cơ khí cho các đơn vị trong toàn quân, học viện, nhà trường...

Năm 2016, Công ty thành lập Trung tâm áp lực nồi hơi 22 với chức năng chủ yếu sản xuất, lắp đặt, sửa chữa hệ thống bếp lò hơi cơ khí (trừ nồi hơi trung tâm)... Trung tâm đã được TCHC tin tưởng giao nhiệm vụ sửa chữa, bảo dưỡng bếp nồi hơi cơ khí trong toàn quân, học viện, nhà trường... Để tận dụng và khai thác tối đa các nguồn lực hiện có, Trung tâm chủ động tìm kiếm và khai thác các đơn hàng kinh tế trong lắp đặt hệ thống tắm nóng bằng hơi tại các Quân khu, Quân đoàn được khách hàng đánh giá cao.

Biên chế của Công ty hiện nay gồm 05 phòng nghiệp vụ (Phòng KH - TCSX, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Kỹ thuật, Phòng Thương mại thị trường và Văn phòng), 03 Xí nghiệp thành viên (Xí nghiệp 22, Xí nghiệp 24 và Xí nghiệp 198), 02 trung tâm (Trung tâm dịch vụ xử lý nước, Trung tâm áp lực nồi hơi 22), Trường mầm non và Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh.

Ngày 26/02/2018 Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 08/2018/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký là 3.550.000 cổ phiếu.

Trong những năm tới thực hiện định hướng của Bộ Quốc phòng và TCHC, Công ty tiếp tục củng cố kiện toàn về mô hình tổ chức biên chế theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Ổn định sản xuất, bảo đảm việc làm và thu nhập của người lao

động, bảo toàn và phát triển vốn, sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và có hiệu quả. Chủ động đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị ngành cơ kim khí và lương thực thực phẩm để không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Trên cơ sở phát huy các nguồn lực hiện có từng bước chuyển dịch cơ cấu sản xuất sản phẩm, nâng tỷ trọng hàng kinh tế trong tổng doanh thu. Hàng cơ kim khí tiếp tục khai thác rộng và sâu hơn thị trường xuất khẩu hiện có. Hàng lương khô, bánh qui chuyển dịch theo hướng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, giàu dinh dưỡng, tiện ích, có lợi cho sức khỏe của người tiêu dùng và thân thiện với môi trường. Tích cực nghiên cứu, chế thử sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ và ưu việt hơn hẳn so với các đối thủ cạnh tranh. Mở rộng mạng lưới và hệ thống bán hàng, đẩy mạnh tiêu thụ tại các siêu thị, trung tâm thương mại, phát triển thương mại điện tử.

Công ty cổ phần 22 đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý trong suốt quá trình xây dựng và phát triển như: Huân chương Quân công hạng nhì năm 1981, Huân chương Lao động hạng nhì năm 2005, Huân chương Chiến công hạng nhì năm 1985; Huân chương Chiến công hạng ba các năm 1978, 1979, 1980, 1983; Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng 3 năm 2015; Cờ thi đua của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) năm 1982, 1983, Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng 1984, 1985, 2016, 2017 và nhiều năm được tặng Cờ đơn vị dẫn đầu trong phong trào thi đua của Tổng cục Hậu cần.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

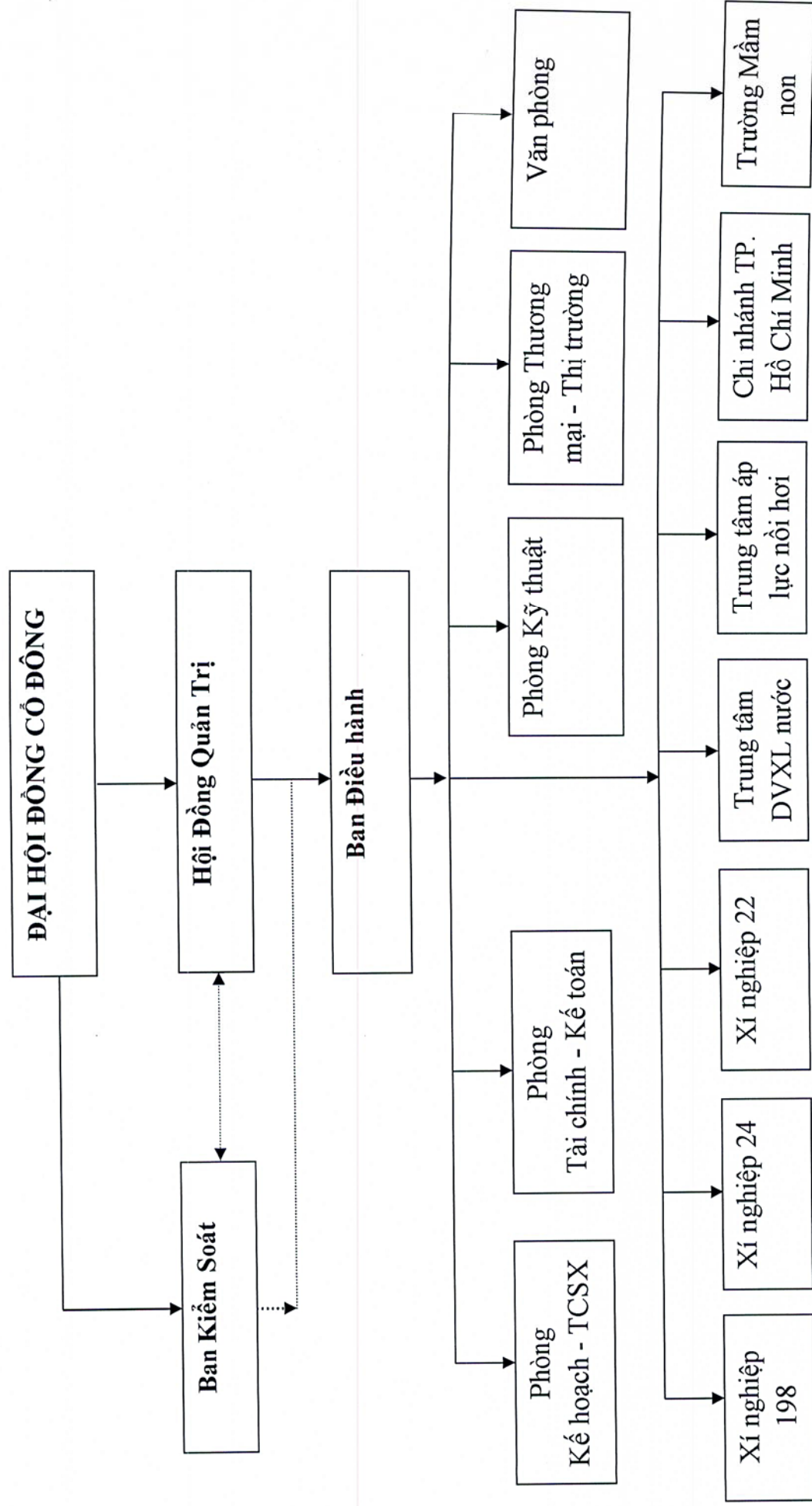
Ngành nghề kinh doanh:

- + Chế biến lương thực thực phẩm;
- + Sản xuất các mặt hàng doanh cụ, dụng cụ huấn luyện, logo, biểu tượng, kỷ niệm chương;
- + Sản xuất dụng cụ cấp dưỡng, dụng cụ gia đình và các sản phẩm kim khí ngành quân trang;
- + Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- + Thoát nước và xử lý nước thải...

Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh của Công ty rộng khắp cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị



Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty cổ phần 22 được tổ chức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (“ĐHĐCĐ”)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (“HĐQT”)

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban điều hành và các phòng ban khác.

BAN KIỂM SOÁT (“BKS”)

Do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty; báo cáo cho ĐHĐCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Công ty.

CHỦ TỊCH HĐQT - NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CÔNG TY

Do HĐQT bầu ra, thực hiện chức năng nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật Công ty theo qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần 22. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình. Giúp việc cho Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật Công ty là Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc.

TỔNG GIÁM ĐỐC (“TGD”)

Chịu trách nhiệm trước HĐQT, người đại diện pháp luật và trước pháp luật về các mặt công tác được phân công. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Giám đốc, bộ máy chuyên môn nghiệp vụ và bộ máy sản xuất trực tiếp.

CÁC PHÒNG BAN NGHIỆP VỤ, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Phòng Kế hoạch - tổ chức sản xuất

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tham mưu cho chỉ huy Công ty trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm, chiến lược sản xuất kinh doanh trung và dài hạn.

Tham mưu đề xuất xây dựng và tổ chức thực hiện định mức lao động; Tham mưu đề xuất và tổ chức thực hiện các chế độ chính sách lao động, tiền lương.

Tham mưu cho chỉ huy Công ty trong công tác tuyển dụng lao động; theo dõi, quản lý hệ thống tổ chức, biên chế.

Tham mưu tổ chức và triển khai công tác cung ứng vật tư, nguyên, nhiên liệu, phụ tùng, khuôn mẫu cho sản xuất theo các đơn hàng hoặc hợp đồng kinh tế.

Chủ trì phối hợp với các phòng nghiệp vụ tham mưu cho chỉ huy Công ty trong việc đàm phán ký kết các hợp đồng kinh tế (HĐKT). Tổ chức thực hiện và thanh lý các hợp đồng kinh tế. Theo dõi toàn bộ HĐKT trong cty.

Chủ trì phối hợp với các phòng nghiệp vụ xây dựng giá thành các sản phẩm kinh tế (KT) và Quốc phòng (QP). Chịu trách nhiệm chính, phối hợp cùng các cơ quan, xí nghiệp xây dựng phương án đấu thầu các sản phẩm QP và KT.

Tổ chức điều độ sản xuất theo tháng, quý, năm trong toàn Công ty.

Tiêu thụ toàn bộ các sản phẩm hàng quốc phòng và các hàng kinh tế kim khí khác.

Nhập xuất vật tư, nguyên liệu, trong toàn Công ty; Nhập xuất thành phẩm hàng quốc phòng và các hàng kinh tế kim khí khác.

Tổ chức chỉ đạo thanh quyết toán vật tư với các đầu mối sản xuất theo tháng, quý, năm hoặc các đợt, lô sản xuất.

Tham mưu và tổ chức chỉ đạo công tác kiểm kê, theo dõi, quản lý hệ thống kho trong Công ty.

Lập các báo cáo gửi Tổng cục, Cục chuyên ngành kết quả sản xuất kinh doanh theo định kỳ thường xuyên cũng như đột xuất. Chuẩn bị các báo cáo giao ban của Công ty.

Phòng Tài chính kế toán

Tham mưu cho chỉ huy Công ty trong công tác tổ chức, quản lý và giám sát hoạt động kinh tế, tài chính, hạch toán và thống kê.

Theo dõi, phân tích và phản ánh tình hình biến động của tài sản, nguồn vốn, cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kinh tế cho chỉ huy trong công tác điều hành và hoạch định sản xuất kinh doanh.



Thực hiện công tác hạch toán kế toán toàn Công ty theo Luật kế toán, các qui định pháp lý hiện hành và Điều lệ Công ty.

Chịu trách nhiệm thu nhận, xử lý và hệ thống hoá toàn bộ thông tin kế toán phục vụ cho quản lý kinh tế, tài chính của Công ty. Lưu trữ, bảo quản chứng từ và sổ sách kế toán theo qui định.

Xây dựng kế hoạch, theo dõi quản lý tình hình sử dụng nguồn vốn trên nguyên tắc phát triển vốn và sử dụng vốn có hiệu quả.

Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh. Phối hợp với các phòng nghiệp vụ và bộ phận có liên quan xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Kế hoạch tiền lương và Giá thành sản phẩm.

Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời kết quả sản xuất kinh doanh, kiểm kê định kỳ tài sản và nguồn vốn theo qui định.

Xây dựng các qui chế quản lý và giám sát hoạt động tài chính kế toán.

Thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo qui định của Nhà nước, Bộ Quốc phòng và Điều lệ Công ty.

Theo dõi chi tiết, chủ động phối hợp với các bộ phận có liên quan trong công tác đôn đốc thu hồi công nợ, giảm chiếm dụng vốn của khách hàng.

Phòng Kỹ thuật

Tham mưu cho chỉ huy về công tác phát triển công nghệ, đầu tư thiết bị sản xuất. Nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới, mẫu mã, kiểu dáng mới, công nghệ mới.

Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình, quy phạm kỹ thuật.

Xây dựng, quản lý thực hiện ĐMVT, kiểm tra, giám sát chất lượng vật tư, thành phẩm trong toàn Công ty.

Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo triển khai công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

Đào tạo, hướng dẫn công nhân công nghệ sản xuất lương thực, thực phẩm.

Theo dõi và đôn đốc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng ISO.

Công tác đăng kiểm sản phẩm, công bố chất lượng sản phẩm.

Quản lý thiết bị máy móc toàn Công ty. Lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ máy móc thiết bị.

Phối hợp với các phòng nghiệp vụ xây dựng giá thành các sản phẩm.

Phối hợp với các phòng nghiệp vụ trong việc đàm phán về mặt kỹ thuật các hợp đồng kinh tế.

Phối hợp cùng các cơ quan xây dựng phương án đấu thầu các sản phẩm quốc phòng và kinh tế.

Lập kế hoạch thay thế, sửa chữa các hạng mục thiết bị đảm bảo thay thế kịp thời.

Kiểm định các thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ và thiết bị đo lường.

Triển khai các công tác an toàn kỹ thuật, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường

Lập các báo cáo gửi Tổng cục, Cục chuyên ngành về công tác kỹ thuật theo định kỳ thường xuyên cũng như đột xuất.

Kết hợp các cơ quan lập dự trù vật tư theo kế hoạch sản xuất.

Phối hợp cùng các cơ quan tìm kiếm việc làm, tiêu thụ sản phẩm, sản phẩm mới.

Giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý sử dụng internet. Phụ trách, phát triển trang Website của Công ty.

Thực hiện các nhiệm vụ khác cấp trên giao.

Phòng Thương mại - thị trường

Tham mưu cho chỉ huy Công ty về xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển thị trường, xây dựng các chính sách bán hàng, đề xuất mạng lưới tiêu thụ sản phẩm hướng tới các nhà phân phối chuyên nghiệp có năng lực tại vùng thị trường để tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

Tham mưu cho chỉ huy Công ty trong các hoạt động thương mại.

Tham mưu cho Chỉ huy Công ty tổ chức mạng lưới Kinh doanh thương mại trong phạm vi hoạt động SX - KD của Công ty được pháp luật cho phép, phân phối các sản phẩm kinh doanh thương mại.

Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc lập kế hoạch tiêu thụ trong tháng, quý, năm và từng giai đoạn, tổ chức việc bán sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường nhằm tiêu thụ được nhiều sản phẩm với hiệu quả cao nhất.

Tổ chức triển khai và nắm bắt các thông tin của thị trường như: Thu nhập, quản lý, phân tích thị trường và khách hàng. Công ty hỗ trợ, chăm sóc quản lý khách hàng và thúc đẩy bán hàng, công tác tiếp thị bán hàng và giới thiệu phát triển sản phẩm mới, công tác xây dựng thương hiệu sản phẩm và hình ảnh Công ty.

Tìm kiếm khách hàng mới, thị trường mới, cập nhật tổng hợp, phân tích và đưa ra những phản hồi từ thị trường, thông tin về đối thủ cạnh tranh, đề xuất những hoạt động phản ứng lại đối thủ cạnh tranh nhằm chiếm ưu thế trên thị trường.

Phối hợp với các cơ quan nghiệp vụ tổ chức thương thảo và ký kết Hợp

đồng kinh tế tiêu thụ sản phẩm lương thực thực phẩm, quản lý, thực hiện và thanh lý các Hợp đồng kinh tế.

Kết hợp với các cơ quan nghiệp vụ liên quan trong việc tiêu thụ sản phẩm, thiết kế mẫu mã bao bì các sản phẩm, xây dựng giá thành, vận chuyển hàng hóa và phối hợp cùng phòng tài chính đôn đốc thu hồi công nợ.

Tổ chức chào hàng, giới thiệu, quảng bá và bán hàng tại cửa hàng giới thiệu sản phẩm và thị trường Hà Nội có hiệu quả.

Quản lý các phương tiện vận tải, định mức tiêu hao nhiên liệu phục vụ công tác tiêu thụ sản phẩm và nhiệm vụ khác.

Văn phòng Công ty

Tham mưu, đề xuất với Đảng ủy và Bí thư Đảng ủy các nội dung, biện pháp tiến hành công tác Đảng (CTĐ), công tác chính trị (CTCT) trong đơn vị. Xây dựng kế hoạch CTĐ, CTCT, theo dõi và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị.

Chủ động phối hợp, hiệp đồng với các phòng, ban và cơ quan uỷ ban kiểm tra đảng để thực hiện nghị quyết của Đảng uỷ, nhiệm vụ của đơn vị và kế hoạch CTĐ, CTCT.

Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị và trực tiếp tổ chức tiến hành CTĐ, CTCT trong các nhiệm vụ, trọng tâm là nhiệm sản xuất kinh doanh; quản lý, khai thác cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ, xây dựng lực lượng tự vệ và các nhiệm vụ đột xuất được giao.

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cấp uỷ viên, cán bộ, nhân viên CTĐ, CTCT trong đơn vị theo phân cấp.

Chỉ đạo và hướng dẫn xây dựng các tổ chức quần chúng vững mạnh, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tham gia xây dựng Đảng; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Hướng dẫn cấp dưới và trực tiếp tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm CTĐ, CTCT trong từng thời kỳ, từng nhiệm vụ, từng mặt công tác và báo cáo kết quả hoạt động CTĐ, CTCT lên cấp trên theo quy định.

Lập kế hoạch kinh phí CTĐ, CTCT báo cáo Đảng uỷ và Giám đốc phê duyệt; quản lý, kiểm tra sử dụng kinh phí, vật tư, trang bị CTĐ, CTCT đúng mục đích, đúng đối tượng, đạt hiệu quả thiết thực.

Tham mưu đề xuất cho chỉ huy về công tác xây dựng cơ bản, quản lý doanh trại. Theo dõi, quản lý các khu vực đất hợp tác kinh doanh.

Quản lý sử dụng các phương tiện vận tải (xe ô tô con) đúng quy định.

Thực hiện công tác văn thư lưu trữ, công tác nội bộ, công tác hành chính văn phòng.

Hướng dẫn và kiểm tra công tác hậu cần, quân y, bảo vệ đối với các đơn vị; Theo dõi và quản lý công tác Phòng chống cháy nổ và Bệnh nghề nghiệp toàn Công ty.

Xí nghiệp 22

Địa chỉ: 40 Vũ Xuân Thiều, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại: 043.8753.120

Fax: 043.8750.974

Chức năng, nhiệm vụ: Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm (sản phẩm chủ yếu là bánh qui và lương khô các loại), bia rượu, nước giải khát, thức ăn gia súc, gia cầm.

Xí nghiệp 24

Địa chỉ: Số 53 Đường Phú Diễn - Phú Diễn - Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại: 043.8374.439

Fax: 043.7641.613

Chức năng, nhiệm vụ: Sản xuất các mặt -hàng dụng cụ cấp dưỡng, dụng cụ gia đình và các sản phẩm kim khí ngành quân trang, các mặt hàng doanh cụ, sản xuất các mặt hàng cơ kim khí phục vụ thị trường dân sinh và xuất khẩu.

Xí nghiệp 198

Địa Chỉ: Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội

Điện thoại: 043.385.3315

Fax: 043.385.3338

Chức năng, nhiệm vụ: Sản xuất các sản phẩm kim khí ngành quân trang, logo, biểu tượng, kỷ niệm chương, dụng cụ huấn luyện.

Trung tâm dịch vụ xử lý nước

Địa chỉ: 55 Vũ Xuân Thiều, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại: 0466.868.866

Chức năng, nhiệm vụ: Giới thiệu, tư vấn, lắp đặt và kinh doanh các thiết bị xử lý nước sạch, nước thải, nước sinh hoạt, nước tinh khiết đóng bình, đóng chai công nghệ cao... phục vụ dân sinh và các tổ chức, đơn vị.

Trung tâm Áp lực nồi hơi 22

Địa chỉ: Số 53 Đường Phú Diễn, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 043.212.3289

Chức năng, nhiệm vụ: Khảo sát, tư vấn, thiết kế, lắp đặt, sửa chữa các loại

nồi hơi, các thiết bị áp lực và các công trình cơ khí khác; Xây dựng phương án lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống bếp lò hơi, các phương án nhằm mở rộng thị trường trong và ngoài quân đội; Tham mưu và báo cáo với Chi huy Công ty về chính sách giá cả, chăm sóc khách hàng và ký kết hợp đồng liên quan...

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 85 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.6682.8888

Chức năng, nhiệm vụ: Nghiên cứu, phân tích, đánh giá sản phẩm, thị trường phía Nam; Xây dựng kế hoạch kinh doanh tháng, quý, năm; Tham mưu cho Chi huy Công ty trong lĩnh vực kinh doanh, xúc tiến thương mại tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam.

Trường mầm non

Địa chỉ: Tổ 19, Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội

Điện thoại: 04.387.53.684

Chức năng, nhiệm vụ: Tiếp nhận, giáo dục, nuôi dạy trẻ từ 3 đến 5 tuổi.

4. Định hướng phát triển

Chủ động đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị ngành cơ kim khí và lương thực thực phẩm để không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.

Trên cơ sở phát huy các nguồn lực hiện có từng bước chuyển dịch cơ cấu sản xuất sản phẩm, nâng tỷ trọng hàng kinh tế trong tổng doanh thu. Hàng cơ kim khí tiếp tục khai thác rộng và sâu hơn thị trường xuất khẩu hiện có. Hàng lương khô, bánh qui chuyển dịch theo hướng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, giàu dinh dưỡng, tiện ích, có lợi cho sức khoẻ của người tiêu dùng và thân thiện với môi trường.

Tích cực nghiên cứu, chế thử sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ và ưu việt hơn hẳn so với các đối thủ cạnh tranh.

Mở rộng mạng lưới và hệ thống bán hàng, đẩy mạnh tiêu thụ tại các siêu thị, trung tâm thương mại, phát triển thương mại điện tử.

Xây dựng và phát triển thương hiệu, không ngừng nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường.

5. Các rủi ro

Toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hoá thương mại đã và đang là xu thế nổi bật của nền kinh tế đương đại. Hội nhập không chỉ mang lại những cơ hội, mà còn đặt ra nhiều thách thức đối với Công ty. Thách thức lớn và trực

diện nhất đối là sức ép cạnh tranh. Công ty sẽ phải cạnh tranh với sản phẩm và doanh nghiệp nước ngoài không chỉ trên thị trường quốc tế mà ngay trên thị trường nội địa.

Luật pháp và cơ chế chính sách của Nhà nước hiện nay có nhiều thay đổi để phù hợp với thực tiễn nền kinh tế, với thông lệ quốc tế... Vì vậy, yêu cầu Công ty phải thường xuyên cập nhật và nắm bắt những thay đổi để điều chỉnh cho phù hợp.

Nhu cầu của thị trường luôn thay đổi, để tồn tại và phát triển đòi hỏi Công ty phải tiếp tục có những định hướng sáng tạo mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới trong sản xuất kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen. Giá cả nguyên vật liệu biến động diễn biến khó lường, áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng lớn, Bộ Quốc phòng đẩy mạnh đấu thầu, tận dụng hàng tồn kho nên sản lượng đặt hàng quốc phòng giảm nhiều so với các năm trước... đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Song Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng tập thể cán bộ, nhân viên người lao động Công ty đoàn kết, thống nhất, chủ động sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Bảng số 1: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2017 so với năm 2016 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	201.030.245.723	253.513.986.874	126%
2	Vốn chủ sở hữu	64.237.269.047	68.388.206.333	106%
3	Doanh thu	406.941.191.898	368.431.880.536	91%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.895.919.570	15.939.292.398	94%
5	Lợi nhuận khác	333.665.454	345.961.360	104%
6	Lợi nhuận trước thuế	17.229.585.024	16.285.253.758	95%
7	Lợi nhuận sau thuế	13.783.668.020	13.028.203.006	95%
8	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	3,39%	3,54%	104%
9	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	21,5%	19,1%	89%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Công ty)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty gồm 3 thành viên. Danh sách các thành viên Ban điều hành và kế toán trưởng của Công ty cụ thể như sau:

ST T	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trương Ngọc Toán	Người đại diện pháp luật
2	Ông Bùi Viết Tuấn	Tổng Giám đốc
3	Ông Vũ Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Nguyễn Thị Hoài Giang	Kế toán trưởng

Lý lịch các thành viên Ban điều hành và kế toán trưởng:

***Ông Trương Ngọc Toán**

Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

Ngày sinh: 02/9/1962 Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 091877569 Ngày cấp: 23/8/2014 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Phường Thạch Bàn - Long Biên - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 096 4329999/ 0243 8276296

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn:

- + Sỹ quan Hậu cần, cao đẳng Quân sự
- + Đại học Thương mại, Quản trị doanh nghiệp
- + Học viện Hậu cần, đào tạo ngắn cán bộ hậu cần cấp E, F
- + Trường đào tạo doanh nhân PTI

Quá trình công tác :

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
9/1982 - 8/1984	Chiến sỹ, Sư đoàn 303 - Quân khu 3
9/1984 - 7/1987	Học viên Trường Sỹ quan Hậu cần
8/1987 - 8/1989	Trợ lý Ban Quản lý - Cục Hậu cần - Quân khu 1
9/1989 - 5/1990	Trợ lý HC - Xí nghiệp X81 - Quân khu 1
6/1990 - 5/1993	Trưởng ban HC - Xí nghiệp X81 - Quân khu 1

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
6/1993 - 11/1996	Trưởng ban HC - vật tư - XN May Bình Minh - Q.khu 1
12/1996 - 9/2003	Phó Giám đốc XN May Bình Minh - Quân khu 1
10/2003-12/2003	Phó Giám đốc XN May Bình Minh - Công ty 20 - TCHC
01/2004 - 5/2004	Phó Giám đốc XN May 20C - Công ty 20 - TCHC
6/2004 - 9/2004	Phó Giám đốc XN May 9 - Công ty 20 - TCHC
10/2004 - 7/2006	Giám đốc XN May 9 - Công ty 20 - TCHC
8/2006 - 3/2008	Trợ lý HC - Bộ Tham mưu - TCHC
4/2008 - 3/2009	Trợ lý Tác chiến - Phòng Tác chiến - Bộ Tham mưu - TCHC
4/2009 - 7/2010	Trợ lý HC - Bộ Tham mưu - TCHC
8/2010	Trợ lý Phòng Kinh tế - TCHC
8/2010 - 01/2011	Học viên đào tạo ngắn e, f - Học viện Hậu cần
02/2011 - 7/2011	Trợ lý Phòng Kinh tế - TCHC
8/2011 - 2/2016	Phó Tổng Giám đốc - UVTV Đảng ủy - Công ty CP22
3/2016 - 8/2016	Tổng Giám đốc - UVTV Đảng ủy - Công ty CP22
9/2016 - 10/2016	Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám đốc - Phó BT Đảng ủy - Công ty CP22
10/2016 đến nay	Chủ tịch HĐQT- Phó BT Đảng ủy - Công ty CP22
28/02/2017 đến nay	Phó Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa TP. Hà Nội

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần 22: Chủ tịch HĐQT, Người đại diện pháp luật.

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa TP. Hà Nội.

Số cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm 31/12/2017): 638.967 cổ phần (chiếm 18% tổng số cổ phần đang lưu hành):

+ Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần (chiếm 0,03% tổng số cổ phần đang lưu hành)

+ Sở hữu đại diện cho phần vốn Nhà nước tại Công ty: 637.967 cổ phần (chiếm 17,97 % tổng số cổ phần đang lưu hành)



Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
Các khoản nợ đối với công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

***Ông Vũ Tuấn Anh**

Giới tính : Nam ☒

Nữ ☐

Ngày sinh : 01/4/1964

Nơi sinh : Bắc Ninh

Quốc tịch : Việt Nam

CMND số : 012839298

Ngày cấp: 21/12/2005 Nơi cấp: CA

Hà Nội

Địa chỉ thường trú: A2 - 22 Khu đấu giá Tổ 9 - Phường Việt Hưng - Long Biên - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0962879999/ 0243.8750.321

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật

- + Đại học An ninh nhân dân
- + Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (khoa Luật)
- + Học viện Chính trị Quân sự (Đào tạo cán bộ cấp E, F giai đoạn 1)
- + Học viện chính trị hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (Lý luận chính trị cao cấp)
- + Học viện Tư pháp (Đào tạo nghiệp vụ luật sư)
- + Trường đào tạo doanh nhân PTI (CEO toàn diện)

Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
T5/1982 - T8/1984	Chiến sỹ học viên B1C6D1 Trung cấp thông tin Bộ Tư lệnh Thông tin liên lạc
T9/1984 - T9/1986	Bộ chỉ huy quân sự Tỉnh Hà Bắc
T10/1986 - T9/1991	Học viên Đại học An ninh nhân dân
T10/1991 - T9/2003	Cán bộ phòng Bảo vệ an ninh - Cục Chính trị - Tổng cục Hậu cần

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
T10/2003 - T8/2005	Phó Chủ nhiệm chính trị Công ty 26 - Tổng cục Hậu cần
T9/2005 - T4/2007	Chủ nhiệm chính trị Công ty 26 - Tổng cục Hậu cần
T5/2007 - T2/2014	Thành viên HĐQT - Bí thư Đảng ủy - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần 26 - Tổng cục Hậu cần
T3/2014 - nay	Bí thư Đảng ủy - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần 22 - Tổng cục Hậu cần

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần 22: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Bí thư Đảng ủy - Phó Tổng giám đốc.

Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến 31/12/2017): 457.591 cổ phần, chiếm 12,89% tổng số cổ phần đang lưu hành

+ Sở hữu cá nhân: 1.900 cổ phần, chiếm 0,05% tổng số cổ phần đang lưu hành

+ Sở hữu đại diện cho phần vốn Nhà nước tại Công ty: 455.691 cổ phần, chiếm 12,84% trên tổng số cổ phần đang lưu hành

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

***Ông Bùi Viết Tuấn**

Giới tính: Nam ☒

Nữ ☐

Ngày sinh: 01/8/1967

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 013312212 Ngày cấp: 29/5/2010

Nơi cấp: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 158, dãy 4, Tổ 109, Phường Vĩnh Tuy - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0986801867

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

- + Trung học Quản lý kinh tế
- + Đại học Kinh tế quốc dân (kế toán tài chính)
- + Đại học Kinh tế quốc dân (kế toán Mỹ)
- + Đại học Kinh tế quốc dân (kế toán trưởng)
- + Học viện chính trị (lý luận chính trị công tác Đảng, công tác chính trị)

Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
T2/1986- T11/1988	Học viên Trường trung học quản lý kinh tế - Tổng cục công nghiệp Quốc phòng và kinh tế
T12/1988- T8/1997	Công nhân viên Quốc phòng, kế toán Xí nghiệp 130 - Công ty Dược và trang thiết bị y tế Quân đội
T9/1997 - T9/2001	Trưởng Ban tài chính Xí nghiệp 130 - Công ty Dược và trang thiết bị y tế Quân đội
T10/2001 - T9/2005	Phó phòng Tài chính Công ty Dược và trang thiết bị y tế Quân đội
T10/2005 - T6/2009	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Công ty Dược và trang thiết bị y tế Quân đội
T7/2009 - T6/2014	Kế toán trưởng Công ty Armephaco
T7/2014 - T6/2015	Phó Tổng giám đốc Công ty Armephaco
T7/2015- T9/2016	Phó Tổng giám đốc Công ty Armephaco kiêm giám đốc Công ty TNHH MTV Thiết bị Y tế 130 Armephaco
T10/2016- nay	Tổng giám đốc Công ty cổ phần 22
T4/2017- nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần 22

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần 22: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm 31/12/2017): 364.554 cổ phần (chiếm 10,27% tổng số cổ phần đang lưu hành):

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- + Sở hữu đại diện cho phần vốn Nhà nước tại Công ty: 364.554 cổ phần,

chiếm 10,27% tổng số cổ phần đang lưu hành
Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không
Hành vi vi phạm pháp luật: không
Các khoản nợ đối với Công ty: không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không
Những thay đổi trong ban điều hành: không có

***Bà Nguyễn Thị Hoài Giang**

Giới tính: Nam ☐

Nữ ☒

Ngày sinh: 08/3/1979

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 011950172

Ngày cấp: 25/4/1996

Nơi cấp: Công an TP

Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Tổ 19 - Phường Sài Đồng - Long Biên - Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: 0243.8276.255

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán - Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội.

Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng.

Quá trình công tác :

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
01/2004 - 9/2006	Nhân viên Ban Tài chính, Xí nghiệp 22, Công ty 22
10/2006 - 10/2007	Phụ trách Ban Tài chính Xí nghiệp 22 - Công ty 22
11/2007 - 10/2009	Nhân viên phòng Tài chính - Công ty cổ phần 22
10/2009 - 12/2009	Phó phòng Tài chính – Công ty cổ phần 22
01/2010 - 6/2011	Trưởng phòng Tài chính - Công ty cổ phần 22
6/2011- đến nay	Kế toán trưởng - Công ty cổ phần 22

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần 22: Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không.

Số lượng cổ phần sở hữu: 185.976 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,24% tổng số cổ phần đang lưu hành

+ Sở hữu cá nhân: 3.700 cổ phần, tỷ lệ 0,1% tổng số cổ phần đang lưu hành.

+ Sở hữu đại diện cho phần vốn Nhà nước tại Công ty: 182.276 cổ phần, tỷ lệ 5,23% tổng số cổ phần đang lưu hành.

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:

+ Nguyễn Huy Trường (Anh trai): 3.600 cổ phần, tỷ lệ 0,1% tổng số cổ phần đang lưu hành.

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên

Bảng số 2: Cơ cấu lao động

STT	Tiêu chí	Số người (người)	Tỷ lệ
	Phân theo trình độ lao động		
		371	100%
1	Trên đại học	3	0,8%
2	Trình độ đại học và tương đương	92	24,8%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	50	13,5%
4	Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp, trung cấp nghề	226	60,9%
	Phân theo hợp đồng lao động	371	100%
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	5	1,3%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	321	86,5%
3	Hợp đồng thời hạn 1-3 năm	45	12,1%
4	Hợp đồng thời vụ	-	
	Phân theo giới tính	371	100%
1	Nam	182	49,1%
2	Nữ	189	50,9%

(Nguồn: Công ty cổ phần 22)

Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng qui định của pháp luật hiện hành. 100% người lao động được tham gia bảo

hiểm. Công ty thực hiện trích và thu nộp bảo hiểm theo đúng qui định. Các khoản chi lương, thưởng, BHXH được thanh quyết toán kịp thời và chi trả theo đúng đối tượng.

Chú trọng và không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Hàng năm, người lao động trong Công ty được tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ như: bán hàng, thuế, bảo hiểm... Thường xuyên tổ chức thi tay nghề, thi thợ giỏi, lựa chọn những cá nhân điển hình nhằm nhân rộng và khuyến khích thi đua trong lao động sản xuất. Qua đó người lao động hiểu được bản chất công việc, thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ, làm việc có trách nhiệm, gắn bó với Công ty hơn.

Cấp phát đầy đủ và quán triệt nghiêm người lao động trong việc chấp hành mang mặc bảo hộ lao động khi tham gia sản xuất, nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối.

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với đặc trưng ngành nghề và bảo đảm người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo qui định của Nhà nước phù hợp với năng lực, chuyên môn và kết quả thực hiện công việc của từng người. Công ty có chính sách khen thưởng định kỳ, đột xuất cho những tập thể/ cá nhân có những đóng góp thiết thực vào hiệu quả kinh doanh chung.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Bảng số 3: Tình hình tài chính

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2017 so với năm 2016 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	201.030.245.723	253.513.986.874	126%
2	Doanh thu thuần	405.176.529.977	367.605.929.568	91%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.895.919.570	15.939.292.398	94%
4	Lợi nhuận khác	333.665.454	345.961.360	104%
5	Lợi nhuận trước thuế	17.229.585.024	16.285.253.758	95%
6	Lợi nhuận sau thuế	13.783.668.020	13.028.203.006	95%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	16%	16%	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng số 4: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	104,62%	106,42%	
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	lần	38,44%	85,48%	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	68,05%	73,02%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	212,95%	270,70%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho)	vòng	3,84	8,13	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	2,02	1,45	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,40%	3,54%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	21,46%	19,05%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,86%	5,14%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,17%	4,34%	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 3.550.000 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 3.550.000 cổ phiếu

Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo qui định của pháp luật, Điều lệ Công ty hay cam kết của chủ sở hữu: 0 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông

Bảng số 5: Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	382	3.550.000	100%
1.1	Cổ đông nhà nước	1	1.822.764	51,35%
1.2	Cổ đông khác	381	1.727.236	48,65%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	Cộng	382	3.550.000	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần 22)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Công ty quản lý và sử dụng nguồn nguyên liệu tiết kiệm, hiệu quả.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp Công ty sử dụng theo đúng định mức.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả và các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có.

6.3. Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước cho Công ty là các nhà máy sản xuất nước sạch trên địa bàn thành phố Hà Nội. Lượng nước sử dụng theo định mức qui định.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty tuân thủ và chấp hành nghiêm luật bảo vệ môi trường. Nước sản xuất được xử lý loại bỏ các chất có hại qua hệ thống xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường.

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có



Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Bảng số 6: Lao động và thu nhập bình quân

Stt	Tiêu chí	Đơn vị	Số người (người)	Tỷ lệ
1	Lao động bình quân	Người	371	
2	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/tháng	8,39	

(Nguồn: Công ty cổ phần 22)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty chấp hành nghiêm các qui định của Luật lao động về thời gian làm việc và nghỉ ngơi. 100% người lao động trong Công ty được trang bị và yêu cầu mang mặc bảo hộ lao động khi tham gia vào quá trình sản xuất. Hàng năm 100% người lao động trong Công ty được khám sức khỏe định kỳ, riêng công nhân công nghệ được cấy khuẩn đường ruột để bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Vào những ngày nắng nóng, Công ty có chế độ bồi dưỡng chống nóng bằng hiện vật để bảo đảm và tái tạo sức khỏe cho người lao động. Chủ động cải tạo, sửa chữa nhà xưởng sản xuất, cảnh quang môi trường để cải thiện điều kiện làm việc. Hàng năm, Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan nghỉ mát, tổ chức tuyên dương các cháu có thành tích cao, học sinh giỏi là con cán bộ công nhân viên để động viên khuyến khích người lao động. Thường xuyên thăm hỏi, động viên và tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn... để người lao động yên tâm và gắn bó lâu dài với Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty chú trọng và không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Hàng năm, người lao động trong Công ty được tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ như: bán hàng, thuế, bảo hiểm... Thường xuyên tổ chức thi tay nghề, thi thợ giỏi, lựa chọn những cá nhân điển hình nhằm nhân rộng và khuyến khích thi đua trong lao động sản xuất. Qua đó người lao động hiểu được bản chất công việc, thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ, làm việc có trách nhiệm, gắn bó với Công ty hơn.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, năm qua Công ty cũng đã tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng như: tham gia 230 ngày công lao động giúp nhân dân sửa chữa đường xá; tặng quà tết thiếu nhi 1/6, tết Trung thu cho các cháu trẻ em khuyết tật thuộc Hội người mù, Hội chữ thập đỏ... ủng hộ chương trình hành hương “Đưa quê hương vào cho đồng đội” lần thứ 5 năm 2017 của Hội Cựu chiến binh Trung đoàn 27. Tặng quà cho các gia đình chính sách và dâng hương tại Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ trên địa bàn đóng quân; Tham gia với Đoàn của Cục Hậu cần khám bệnh, cấp thuốc cho đối tượng chính sách và tặng quà gia đình chính sách của xã Tà Long, huyện Đakrông, Quảng Trị; ủng hộ xây nhà đồng năm 2017; Tham gia ủng hộ các quỹ: Phòng chống thiên tai, Vì người nghèo, Đền ơn đáp nghĩa, Mái ấm tình thương...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen. Áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày lớn. Một số sản phẩm bánh qui, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng trong khi giá bán giữ nguyên nhưng sức mua không tăng. Các sản phẩm cơ kim khí kinh tế ở giai đoạn xâm nhập và tiếp cận thị trường. Đối với sản phẩm quốc phòng, Bộ Quốc phòng đẩy mạnh đấu thầu, tận dụng hàng tồn kho nên sản lượng đặt hàng quốc phòng giảm so với năm trước ... đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Song Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng tập thể cán bộ, nhân viên người lao động Công ty đoàn kết, thống nhất, chủ động sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Ổn định sản xuất, bảo đảm việc làm và thu nhập của người lao động, bảo toàn và phát triển vốn, sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và có hiệu quả.

Hoàn thành 100% kế hoạch sản xuất hàng quốc phòng bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ của cục chuyên ngành.

Tích cực khai thác tìm kiếm việc làm tại các đơn vị trong và ngoài quân đội; nghiên cứu chế thử sản phẩm mới...

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Tài sản ngắn hạn	197.003.656.531	143.116.266.499
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	79.488.428.758	23.136.950.180
Tiền	8.801.292.578	12.936.338.081
Các khoản tương đương tiền	70.687.136.180	10.200.612.099
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	78.470.113.096	28.508.960.088
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	76.477.336.844	25.098.187.852
Trả trước cho người bán ngắn hạn	862.845.290	1.231.003.864
Phải thu ngắn hạn khác	1.129.930.962	2.179.768.372
3. Hàng tồn kho	38.762.618.510	90.537.785.500
Hàng tồn kho	39.271.371.187	90.814.391.745
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(508.752.677)	(276.606.245)
4. Tài sản ngắn hạn khác	282.496.167	932.570.731
Chi phí trả trước ngắn hạn	221.385.167	304.642.762
Thuế GTGT được khấu trừ	61.111.000	103.205.002
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	524.722.967
Tài sản dài hạn	56.510.330.343	57.913.979.224
1. Tài sản cố định	53.750.637.333	56.147.611.624
Tài sản cố định hữu hình	53.581.817.871	55.953.792.166
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
Tài sản cố định vô hình	168.819.462	193.819.458
2. Tài sản dở dang dài hạn	1.899.476.469	608.855.225
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.899.476.469	608.855.225
3. Tài sản dài hạn khác	860.216.541	1.157.512.375
Chi phí trả trước dài hạn	860.216.541	1.157.512.375

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Công ty)

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
Nợ phải trả	185.125.780.541	136.792.976.676
1.Nợ ngắn hạn	185.125.780.541	136.792.976.676
Phải trả cho người bán ngắn hạn	62.569.243.447	43.055.122.377
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	410.607.604	14.996.074.089
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.897.242.291	4.108.576.521
Phải trả người lao động	10.452.759.895	9.214.700.453
Chi phí phải trả ngắn hạn	60.000.000	60.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	103.213.019.536	63.528.193.468
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.522.907.768	1.830.309.768
Nợ dài hạn	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Mô hình biên chế tổ chức tinh gọn và hiệu quả. Thực hiện chính sách khoán doanh số đối với một số bộ phận và các cửa hàng giới thiệu sản phẩm để nâng cao tính chủ động và hiệu quả của quá trình hoạt động. Chủ động rà soát và đánh giá và sàng lọc lao động để không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chủ động đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị ngành cơ kim khí và lương thực thực phẩm để không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.

Trên cơ sở phát huy các nguồn lực hiện có từng bước chuyển dịch cơ cấu sản xuất sản phẩm, nâng tỷ trọng hàng kinh tế trong tổng doanh thu. Hàng cơ kim khí tiếp tục khai thác rộng và sâu hơn thị trường xuất khẩu hiện có. Hàng lương khô, bánh qui chuyển dịch theo hướng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, giàu dinh dưỡng, tiện ích, có lợi cho sức khỏe của người tiêu dùng và thân thiện với môi trường.

Tích cực nghiên cứu, chế thử sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ và ưu việt hơn hẳn so với các đối thủ cạnh tranh.

Mở rộng mạng lưới và hệ thống bán hàng, đẩy mạnh tiêu thụ tại các siêu thị, trung tâm thương mại, phát triển thương mại điện tử.

Xây dựng và phát triển thương hiệu, không ngừng nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Các chỉ tiêu môi trường luôn được Ban điều hành quan tâm chú trọng, đặc biệt là tiêu thụ nước, năng lượng, xử lý nước thải, khí thải... Nguồn nước phục vụ sản xuất được cung cấp bởi các nhà máy sản xuất nước sạch trên địa bàn. Nước thải sau quá trình sản xuất được xử lý trước khi xả thải ra môi trường. Hệ thống điện được bố trí sắp xếp hợp lý khoa học bảo đảm giảm hao phí trong quá trình chuyển tải hoặc ở những nơi không cần thiết.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động theo qui định của pháp luật hiện hành. Thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Cấp phát đầy đủ bảo hộ lao động, quán triệt nghiêm việc mang mặc bảo hộ lao động khi tham gia sản xuất. Hướng dẫn cụ thể, chi tiết qui trình và các bước vận hành máy móc thiết bị bảo đảm an toàn trong lao động sản xuất. Luôn lắng nghe các ý kiến từ sản xuất, để có những điều chỉnh trong quản lý và điều hành sao cho phù hợp.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, năm qua Công ty cũng đã tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng như: tham gia 230 ngày công lao động giúp nhân dân sửa chữa đường xá; tặng quà tết thiếu nhi 1/6, tết Trung thu cho các cháu trẻ em khuyết tật thuộc Hội người mù, Hội chữ thập đỏ... ủng hộ chương trình hành hương "Đưa quê hương vào cho đồng đội" lần thứ 5 năm 2017 của Hội Cựu chiến binh Trung đoàn 27. Tặng quà cho các gia đình chính sách và dâng hương tại Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ trên địa bàn đóng quân; Tham gia với Đoàn của Cục Hậu cần khám bệnh, cấp thuốc cho đối tượng chính sách và tặng quà gia đình chính sách của xã Tà Long, huyện Đakrông, Quảng Trị; ủng hộ xây nhà đồng năm 2017; Tham gia ủng hộ các quỹ: Phòng chống thiên tai, Vì người nghèo, Đền ơn đáp nghĩa, Mái ấm tình thương ...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã hoàn thành trên các mặt công tác. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều đạt so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Sản xuất ổn định, đời sống và thu nhập của người lao động từng bước được cải thiện. Tình hình tài chính lành mạnh, vốn chủ sở hữu được bảo toàn, khả năng thanh toán được đảm bảo.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, năm qua Công ty cũng đã tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng như: tham gia 230 ngày công lao động giúp nhân dân sửa chữa đường xá; tặng quà tết thiếu nhi 1/6, tết Trung thu cho các cháu trẻ em khuyết tật thuộc Hội người mù, Hội chữ thập đỏ... ủng hộ chương trình hành hương “Đưa quê hương vào cho đồng đội” lần thứ 5 năm 2017 của Hội Cựu chiến binh Trung đoàn 27. Tặng quà cho các gia đình chính sách và dâng hương tại Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ trên địa bàn đóng quân; Tham gia với Đoàn của Cục Hậu cần khám bệnh, cấp thuốc cho đối tượng chính sách và tặng quà gia đình chính sách của xã Tà Long, huyện Đakrông, Quảng Trị; ủng hộ xây nhà đồng năm 2017; Tham gia ủng hộ các quỹ: Phòng chống thiên tai, Vì người nghèo, Đền ơn đáp nghĩa, Mái ấm tình thương...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thực hiện nghiêm túc có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và có hiệu quả. Đời sống vật chất và tinh thần của người lao động được nâng lên rõ rệt.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Định hướng đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị ngành cơ kim khí và lương thực thực phẩm để không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.

Xây dựng chiến lược cơ cấu sản xuất sản phẩm trung và dài hạn nhằm nâng tỷ trọng hàng kinh tế trong tổng doanh thu.

Đẩy mạnh nghiên cứu, chế thử sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ, tạo sự khác biệt so với đối thủ cạnh tranh.

Phát triển thương mại điện tử. Mở rộng mạng lưới và hệ thống bán hàng, đẩy mạnh tiêu thụ tại các siêu thị, trung tâm thương mại.



Xây dựng và phát triển thương hiệu, không ngừng nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường.

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần 22 có 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Trương Ngọc Toán	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Vũ Tuấn Anh	P. Chủ tịch HĐQT kiêm PTGD	
3	Ông Bùi Viết Tuấn	Ủy viên HĐQT kiêm TGĐ	
4	Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Ủy viên HĐQT	
5	Bà Đỗ Thị Hương	Ủy viên HĐQT	

* Ông Trương Ngọc Toán, Ông Vũ Tuấn Anh, Ông Bùi Viết Tuấn (Đã nêu tại phần Lý lịch của Ban điều hành)

* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒

Ngày sinh: 20/12/1963 Nơi sinh: Đồng Tháp

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 024285754 Ngày cấp: 22/3/2005 Nơi cấp: Công an TP HCM

Địa chỉ thường trú: 248KP1, An Lạc, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại liên lạc: 0903.713.131

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Quản lý

Quá trình công tác :

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Từ 1989 - 2005	Giám đốc xưởng cơ khí Phước Thành Bảy Mập, địa chỉ: F17/71, ấp 6, Hưng Long, Bình Chánh, Hồ Chí Minh



Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Từ năm 2006 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH SX TM Phước Thành Bảy Mập, địa chỉ: C1/2, ấp 3, Tân Kiên, Bình Chánh, Hồ Chí Minh
Năm 2007 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP 22

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần 22: Thành viên HĐQT.
 Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty
 TNHH SX TM Phước Thành Bảy Mập
 Số cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm 31/12/2017): 160.000 cổ phần
 (chiếm 4,51% tổng số cổ phần đang lưu hành):

+ Sở hữu cá nhân: 160.000 cổ phần (chiếm 4,51% tổng số cổ phần đang
 lưu hành)

+ Sở hữu đại diện: không

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương (Em gái): 20.000 cổ phần, chiếm 0,56%
 tổng số cổ phần đang lưu hành

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết Phụng (Con gái): 67.709 cổ phần, chiếm
 1,91% tổng số cổ phần đang lưu hành

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** Bà Đỗ Thị Hường**

Giới tính:

Nam ☐

Nữ ☒

Ngày sinh: 27/6/1970

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 012950234

Ngày cấp : 9/7/2009 Nơi cấp : Công an Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Tổ 15 Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0243.8755.947

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình chuyên môn:

+ Đại học Thương mại, chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Từ 10/1993 - 7/2001	Công nhân sản xuất bánh XN22 - Công ty 22 - TCHC
Từ 8/2001 - 11/2001	Nhân viên thống kê - P. Kinh doanh - Công ty 22 - TCHC
Từ 12/2001 - 02/2005	Công nhân viên quốc phòng - nhân viên thống kê - P. Kinh doanh - Công ty 22 - TCHC
Từ 3/2005 - 11/2005	Trung uý quân nhân chuyên nghiệp - nhân viên thống kê - P. Kinh doanh - Công ty 22 - TCHC
Từ 12/2005 - 9/2007	Trung uý quân nhân chuyên nghiệp - nhân viên P. Tổ chức sản xuất - Công ty 22 - TCHC
10/2007	Phục viên và làm việc tại Công ty 22
Từ 10/2007 - 8/2008	Nhân viên P. Kế hoạch Kinh doanh - Công ty CP 22 - TCHC
Từ 9/2008 - 10/2009	Phó Phòng Kế hoạch - Tổ chức sản xuất Công ty CP 22 - TCHC
Từ 11/2009 - 6/2011	Phụ trách Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty CP 22
Từ 7/2011 - 12/2014	Phó Phòng Kế hoạch - Tổ chức sản xuất, Thành viên HĐQT Công ty CP 22
Từ 12/2014 đến nay	Trưởng Phòng Kế hoạch - Tổ chức sản xuất, thành viên HĐQT Công ty CP 22

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần 22: Trưởng Phòng Kế hoạch - Tổ chức sản xuất, thành viên HĐQT.

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm 10/07/2017): 3.700 cổ phần (chiếm 0,13% tổng số cổ phần đang lưu hành):

+Sở hữu cá nhân: 3.700 CP (chiếm 0,13% tổng số CP đang lưu hành)

+Sở hữu đại diện: không

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Thư ký Hội đồng quản trị

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2017, Hội đồng quản trị đã có những định hướng đúng đắn trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thường xuyên quan tâm đến điều kiện, môi trường làm việc cũng như đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Tuân thủ đúng nguyên tắc quản trị và pháp luật.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	Họ và tên	Ghi chú
1	Ông Trương Ngọc Toán	
2	Ông Vũ Tuấn Anh	
3	Ông Bùi Viết Tuấn	
4	Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	
5	Bà Đỗ Thị Hương	

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên. Danh sách thành viên Ban kiểm soát của Công ty cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Trường Định	Trưởng BKS	
2	Phạm Kim Loan	Thành viên BKS	
3	Nguyễn Thị Dung	Thành viên BKS	

Sơ yếu lý lịch của các thành viên BKS

* Ông Nguyễn Trường Định

Giới tính : Nam ☒ Nữ ☐

Ngày sinh : 11/02/1984

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

CMND số : 111618500 Ngày cấp : 09/08/2011 Nơi cấp : Hà Nội
Địa chỉ thường trú: Số 40 Khu TT Dược QK3, Phường Quang Trung, Quận
Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: 024.38276255

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán doanh nghiệp.

Quá trình công tác :

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Từ 2005- T10/2007	Nhân viên Ban tài chính Xí nghiệp 198 - Công ty 22
T7/2007- T6/2011	Nhân viên Phòng tài chính - Công ty Cổ phần 22
T7/2011-T4/2017	Phó Phòng tài chính - Công ty Cổ phần 22
T5/2017 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần 22; Phó phòng tài chính Công ty Cổ phần 22

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần 22: Trưởng Ban kiểm soát,
Phó phòng tài chính.

Số cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm 31/12/2017): 200 cổ phần (chiếm
0,01% tổng số cổ phần đang lưu hành):

+Sở hữu cá nhân: 200 cổ phần (chiếm 0,01% tổng số cổ phần đang lưu
hành)

+ Sở hữu đại diện: không

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:

+ Nguyễn Văn Xuân (bố đẻ): 5.700CP, chiếm tỷ lệ 0,16% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

***Bà Phạm Thị Kim Loan**

Giới tính : Nam ☐ Nữ ☒

Ngày sinh : 06/06/1975 Nơi sinh : Nam Định

Quốc tịch : Việt Nam

CCCD số : 036175000857 Ngày cấp: 14/01/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát

Địa chỉ thường trú: Thôn Hạ Thái, Xã Duyên Thái, Huyện Thường Tín, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: 0982.848.737

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác :

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
T8/1996 - T6/1997	Nhân viên Kế toán Công ty 198, Cục Quản lý hành chính, Bộ Tổng Tham mưu
T7/1997- T12/1997	Công nhân Xí nghiệp 198, Công ty 198, Cục Quản lý hành chính, Bộ Tổng Tham mưu
T1/1998 - T7/1998	Nhân viên Kế toán Xí nghiệp 198, Công ty 198, Quản lý hành chính, Bộ Tổng Tham mưu
T8/1998- T10/2001	Nhân viên Thống kê Ban Điều hành SX, Xí nghiệp 198, Công ty 198, Quản lý hành chính, Bộ Tổng Tham mưu
T11/2001- T9/2003	Công nhân sản xuất, Xí nghiệp 198, Công ty 20, Tổng Cục Hậu Cần
T10/2003- T8/2005	Công nhân sản xuất, Xí nghiệp 198, Công ty 22, Tổng Cục Hậu cần
T9/2005- T10/2007	Nhân viên Kế toán, Xí nghiệp 198, Công ty 22, Tổng Cục Hậu Cần
Từ T11/2007 - nay	Nhân viên phòng Tổng hợp, Xí nghiệp 198, Công ty CP 22, Tổng Cục Hậu Cần
Từ T4/2017- nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP 22

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần 22: Nhân viên phòng Tổng hợp - Xí nghiệp 198, Thành viên Ban kiểm soát .

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm 10/07/2017): 1.000 cổ phần (chiếm 0,03% tổng số cổ phần đang lưu hành):

+Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần (chiếm 0,03% tổng số cổ phần đang lưu hành)

+ Sở hữu đại diện: không

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

*** Bà Nguyễn Thị Dung**

Giới tính : Nam ☐

Nữ ☒

Ngày sinh : 08/08/1971

Nơi sinh : Lai Châu

Quốc tịch : Việt Nam

CMND số : 012171000017

Ngày cấp : 29/6/2016

Nơi cấp : Hà

Nội

Địa chỉ thường trú: Tổ 3, phường Phú Diễn , quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: 0944754070

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn :

+ Cử nhân kinh tế kế hoạch thương nghiệp.

+ Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán.

Quá trình công tác :

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1995 - T9/1996	Nhân viên thống kê Xí nghiệp 24, Cục quân lương – TCHC
T10/1996 - T9/2007	Nhân viên phòng kinh doanh Xí nghiệp 24- Công ty 22
T10/2007 - nay	Nhân viên phòng Tổng hợp Xí nghiệp 24- Công ty Cổ phần 22
04/2017 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần 22

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần 22: Nhân viên phòng Tổng hợp - Xí nghiệp 24, Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần 22 từ tháng 4/2017.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm 10/07/2017): 1.100 cổ phần (chiếm 0,03% tổng số cổ phần đang lưu hành):

+Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phần (chiếm 0,03% tổng số cổ phần đang lưu

hành)

+ Sở hữu đại diện: không

Số cổ phần do người liên quan nắm giữ: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2017, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các qui định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cụ thể như sau:

+ Kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

+ Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành.

+ Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban điều hành về các vấn đề liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

+ Thẩm tra báo cáo tài chính năm trên các khía cạnh trọng yếu để đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: 2.047.701.229 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

(Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT
Trương Ngọc Toán



CÔNG TY CỔ PHẦN 22

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN 22

Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN 22

Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần 22 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Ngọc Toán

Ông Vũ Tuấn Anh

Ông Bùi Viết Tuấn

Bà Đỗ Thị Hương

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Chủ tịch HĐQT

Phó Chủ tịch HĐQT

Ủy viên HĐQT

Ủy viên HĐQT

Ủy viên HĐQT

Ban Điều hành, đại diện theo pháp luật

Ông Trương Ngọc Toán

Ông Bùi Viết Tuấn

Ông Vũ Tuấn Anh

Người đại diện pháp luật công ty

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Điều hành Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Trương Ngọc Toán

Chủ tịch HĐQT, Người đại diện pháp luật Công ty

Ngày 08 tháng 03 năm 2018

Số: 047/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần 22**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 22 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2018, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Nguyễn Hồng Hiền****Giám đốc chi nhánh**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1117-2018-156-1**Thay mặt và đại diện cho****CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VACO TẠI HẢI PHÒNG**

Ngày 08 tháng 03 năm 2018

**Đỗ Bình Dương****Kiểm toán viên**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1953-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		197.003.656.531	143.116.266.499
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	79.488.428.758	23.136.950.180
1. Tiền	111		8.801.292.578	12.936.338.081
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.687.136.180	10.200.612.099
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.470.113.096	28.508.960.088
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	76.477.336.844	25.098.187.852
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		862.845.290	1.231.003.864
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.129.930.962	2.179.768.372
III. Hàng tồn kho	140		38.762.618.510	90.537.785.500
1. Hàng tồn kho	141	8	39.271.371.187	90.814.391.745
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(508.752.677)	(276.606.245)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		282.496.167	932.570.731
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	221.385.167	304.642.762
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		61.111.000	103.205.002
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	524.722.967
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.510.330.343	57.913.979.224
I Tài sản cố định	220		53.750.637.333	56.147.611.624
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	53.581.817.871	55.953.792.166
- Nguyên giá	222		121.648.882.412	118.704.427.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.067.064.541)	(62.750.635.306)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	168.819.462	193.819.458
- Nguyên giá	228		423.461.503	423.461.503
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(254.642.041)	(229.642.045)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.899.476.469	608.855.225
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.899.476.469	608.855.225
III. Tài sản dài hạn khác	260		860.216.541	1.157.512.375
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	860.216.541	1.157.512.375
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		253.513.986.874	201.030.245.723

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		185.125.780.541	136.792.976.676
I Nợ ngắn hạn	310		185.125.780.541	136.792.976.676
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	62.569.243.447	43.055.122.377
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		410.607.604	14.996.074.089
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	5.897.242.291	4.108.576.521
4. Phải trả người lao động	314		10.452.759.895	9.214.700.453
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		60.000.000	60.000.000
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	103.213.019.536	63.528.193.468
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.522.907.768	1.830.309.768
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.388.206.333	64.237.269.047
I Vốn chủ sở hữu	410	16	68.408.306.333	64.240.369.047
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.500.000.000	35.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.500.000.000	35.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.653.382.490	12.742.929.490
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		9.496.360.687	8.963.523.681
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.758.563.156	7.033.915.876
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.207.153.156	6.444.732.876
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		551.410.000	589.183.000
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(20.100.000)	(3.100.000)
1. Nguồn kinh phí	431		(20.100.000)	(3.100.000)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		253.513.986.874	201.030.245.723


 Nguyễn Trường Định
 Người lập biểu

Ngày 08 tháng 03 năm 2018


 Nguyễn Thị Hoài Giang
 Kế toán trưởng


 Trương Ngọc Toán
 Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	372.490.418.358	409.011.751.425
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	4.884.488.790	3.835.221.448
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		367.605.929.568	405.176.529.977
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	315.229.217.809	347.364.147.155
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		52.376.711.759	57.812.382.822
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	479.989.608	1.430.996.467
7. Chi phí tài chính	22		65.186.907	120.146.598
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	21	10.743.366.708	15.287.598.347
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	26.108.855.354	26.939.714.774
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		15.939.292.398	16.895.919.570
11. Thu nhập khác	31		345.961.360	333.665.454
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		345.961.360	333.665.454
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.285.253.758	17.229.585.024
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	3.257.050.752	3.445.917.004
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		13.028.203.006	13.783.668.020
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	3.286	3.473


Nguyễn Trường Định
Người lập biểu

Ngày 08 tháng 03 năm 2018


Nguyễn Thị Hoài Giang
Kế toán trưởngTrương Ngọc Toán
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN 22

Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	372.490.418.358	409.011.751.425
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	4.884.488.790	3.835.221.448
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		367.605.929.568	405.176.529.977
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	315.229.217.809	347.364.147.155
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		52.376.711.759	57.812.382.822
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	479.989.608	1.430.996.467
7. Chi phí tài chính	22		65.186.907	120.146.598
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	21	10.743.366.708	15.287.598.347
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	26.108.855.354	26.939.714.774
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		15.939.292.398	16.895.919.570
11. Thu nhập khác	31		345.961.360	333.665.454
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		345.961.360	333.665.454
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.285.253.758	17.229.585.024
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	3.257.050.752	3.445.917.004
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		13.028.203.006	13.783.668.020
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	3.286	3.473

Nguyễn Trường Định
Người lập biểu

Ngày 08 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Hoài Giang
Kế toán trưởng

Trương Ngọc Toán
Chủ tịch HĐQT



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	365.324.303.779	494.819.672.170
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(239.684.431.714)	(428.198.045.241)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(42.664.310.216)	(47.602.330.950)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.892.749.919)	(5.622.578.427)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.093.421.325	9.883.138.415
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(23.563.420.060)	(28.064.115.525)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	64.612.813.195	(4.784.259.558)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.164.322.165)	(17.658.423.704)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	181.445.456	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	476.667.527	1.423.867.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.506.209.182)	(16.234.556.004)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.755.097.600)	(5.533.765.120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.755.097.600)	(5.533.765.120)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	56.351.506.413	(26.552.580.682)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	23.136.950.180	49.689.374.291
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(27.835)	156.571
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	79.488.428.758	23.136.950.180



Nguyễn Trường Định
Người lập biểu
Ngày 08 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Hoài Giang
Kế toán trưởng



Trương Ngọc Toán
Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 22 là Công ty Cổ phần được thành lập từ việc chuyển đổi (cổ phần hóa) doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1392/QĐ-BQP ngày 12/06/2007 và Quyết định số 2491/QĐ-BQP ngày 05 tháng 09 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty Cổ phần 22 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100512724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 09 năm 2016.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100512724 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 09 năm 2016, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn vali, cặp túi, ví, hàng da và giả da khác);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác:
 - + Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
 - + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);
 - + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, gia giầy;
 - + Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
 - + Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu:
 - + Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
 - + Xuất nhập khẩu thiết bị và các sản phẩm phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ:
 - + Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế);
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện:
 - + Sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết, bện;
 - + Sản xuất sản phẩm chiếu cói và các sản phẩm cói;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Đại lý, môi giới, đầu giá. Chi tiết: Đại lý;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán ô tô và xe có động cơ;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê ô tô;
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường và kinh doanh bất động sản);
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh lữ hành;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Đại lý bán vé máy bay;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và tuyến cố định;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Chi tiết: Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Giáo dục mầm non;
- Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ cao su;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất mặt hàng doanh cụ, dụng cụ huấn luyện, logo, biểu tượng, kỷ niệm chương; Công nghiệp dụng cụ cấp dưỡng, dụng cụ gia đình và các sản phẩm kim khí ngành quân trang;
- Sản xuất rượu vang: Chi tiết sản xuất rượu.
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. Chi tiết: Sản xuất bia;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước giải khát;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và đồ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh chiếu cói và các sản phẩm cói;
- Xay xát và sản xuất bột thô; Chi tiết: Công nghiệp chế biến lương thực;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chi tiết: Công nghiệp chế biến thực phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hoạt động chính: Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, dụng cụ gia đình và các sản phẩm kim khí ngành quân trang, khai thác xử lý và cung cấp nước sạch, sản xuất nước đóng chai, nước đóng bình và xử lý nước thải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,

b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;

c) Hàng tồn kho được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;

d) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b, c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty chủ yếu là nguyên vật liệu, thành phẩm kim khí ngành quân trang, thực phẩm...

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Tài sản phúc lợi	05 - 10
Tài sản khác	05 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm chứng chỉ Iso, phần mềm kế toán và chi phí xây dựng thương hiệu Công ty Cổ phần 22. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo khung thời gian như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	03
Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001- 2000	08
Chi phí xây dựng thương hiệu Công ty Cổ phần 22	10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng..

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	4.864.510.436	2.277.550.260
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.936.782.142	10.658.787.821
Các khoản tương đương tiền (*)	70.687.136.180	10.200.612.099
Cộng	79.488.428.758	23.136.950.180

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần và hưởng lãi suất từ 5%/năm đến 7%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn hạn</i>	<i>76.477.336.844</i>	<i>25.098.187.852</i>
Cục Quân nhu	34.558.303.341	13.334.980.325
Các đối tượng khác	41.919.033.503	11.763.207.527
<i>Phải thu của khách hàng dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	76.477.336.844	25.098.187.852
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>34.558.303.341</i>	<i>13.334.980.325</i>
Cục Quân nhu	34.558.303.341	13.334.980.325

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1.129.930.962</i>	<i>-</i>	<i>2.179.768.372</i>	<i>-</i>
Tạm ứng	275.212.102	-	683.493.136	-
Ký cược, ký quỹ	478.823.081	-	888.983.370	-
Phải thu khác	375.895.779	-	607.291.866	-
Cộng	1.129.930.962	-	2.179.768.372	-

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.868.160.232	(508.752.677)	20.334.067.323	(276.606.245)
Công cụ, dụng cụ	733.756.026	-	2.261.457.525	-
Chi phí SXKD dở dang	2.394.325.081	-	21.207.684.265	-
Thành phẩm	14.416.323.923	-	37.556.428.192	-
Hàng hóa	3.858.805.925	-	9.454.754.440	-
Cộng	39.271.371.187	(508.752.677)	90.814.391.745	(276.606.245)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>221.385.167</i>	<i>304.642.762</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	113.610.935	304.642.762
Các khoản khác	107.774.232	-
<i>Dài hạn</i>	<i>860.216.541</i>	<i>1.157.512.375</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	688.167.099	1.157.512.375
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	172.049.442	-
Cộng	1.081.601.708	1.462.155.137

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ		TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	Phúc lợi	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số đầu năm	55.283.256.483	52.968.014.534	6.399.678.159	2.556.359.592	1.497.118.704	118.704.427.472	
Mua trong kỳ	611.110.000	2.435.764.376	390.909.091	-	51.500.000	3.489.283.467	
Xây dựng cơ bản bàn giao	992.494.535	-	-	-	-	992.494.535	
Thanh lý, nhượng bán	1.331.661.842	205.661.220	-	-	-	1.537.323.062	
Số cuối năm	55.555.199.176	55.198.117.690	6.790.587.250	2.556.359.592	1.548.618.704	121.648.882.412	
HAO MÒN LŨY KẾ							
Số đầu năm	25.882.597.394	31.709.096.863	3.979.891.864	9.800.000	1.169.249.185	62.750.635.306	
Khấu hao trong năm	3.209.275.371	2.953.084.134	416.982.843	-	49.332.671	6.628.675.019	
Thanh lý nhượng bán	1.229.001.956	83.243.828	-	-	-	1.312.245.784	
Số cuối năm	27.862.870.809	34.578.937.169	4.396.874.707	9.800.000	1.218.581.856	68.067.064.541	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số đầu năm	29.400.659.089	21.258.917.671	2.419.786.295	2.546.559.592	327.869.519	55.953.792.166	
Số cuối năm	27.692.328.367	20.619.180.521	2.393.712.543	2.546.559.592	330.036.848	53.581.817.871	

Nguyên giá của tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 37.117.875.110 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	112.094.903	61.366.600	250.000.000	423.461.503
Mua trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	112.094.903	61.366.600	250.000.000	423.461.503
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	112.094.903	61.366.600	56.180.542	229.642.045
Khấu hao trong năm	-	-	24.999.996	24.999.996
Số cuối năm	112.094.903	61.366.600	81.180.538	254.642.041
Giá trị còn lại				-
Số đầu năm	-	-	193.819.458	193.819.458
Số cuối năm	-	-	168.819.462	168.819.462

Nguyên giá của tài sản vô định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 173.461.503 VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 173.461.503 VND.

12. TÀI SẢN DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình xử lý nước thải tại Xí nghiệp 198	-	81.420.195
Công trình xử lý nước thải Xí nghiệp 24	-	527.435.030
Công trình nhà làm việc Xí nghiệp 198	1.824.978.181	-
Công trình nhà xưởng số 4 tại Xí nghiệp 22	74.498.288	-
Cộng	1.899.476.469	608.855.225

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	62.569.243.447	62.569.243.447	43.055.122.377	43.055.122.377
Mua hàng cơ kim khí	37.151.446.579	37.151.446.579	19.336.768.637	19.336.768.637
Mua hàng lương thực thực phẩm, xử lý nước, mặt hàng khác	25.417.796.868	25.417.796.868	23.718.353.740	23.718.353.740
Cộng	62.569.243.447	62.569.243.447	43.055.122.377	43.055.122.377

CÔNG TY CỔ PHẦN 22

Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mẫu B 09-DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu/nộp trong kỳ VND	Số đã thực thu/nộp trong kỳ VND	Số cuối năm VND
Phải thu				
Thuế GTGT	524.722.967	524.722.967	-	-
Thuế TNDN	-	-	-	-
Cộng	524.722.967	524.722.967	-	-
Phải nộp				
Thuế GTGT	-	15.097.485.730	11.699.246.658	3.398.239.072
Thuế TNDN	610.387.688	3.257.050.752	2.663.640.499	1.203.797.941
Thuế TNCN	7.379.979	741.337.321	741.590.887	7.126.413
Thuế nhà đất, tiền thuê đất, thuế, phí và lệ phí khác	3.490.808.854	2.548.730.011	4.751.460.000	1.288.078.865
Cộng	4.108.576.521	21.644.603.814	19.855.938.044	5.897.242.291

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	103.213.019.536	63.528.193.468
Kinh phí công đoàn	904.947.163	1.034.214.339
Bảo hiểm xã hội	46.677.852	456.289.490
Bảo hiểm y tế	-	72.103.183
Bảo hiểm thất nghiệp	-	32.040.395
Cục Quân nhu ứng vốn sản xuất hàng quốc phòng	100.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.261.394.521	1.933.546.061
Cộng	103.213.019.536	63.528.193.468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn Điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 35.500.500.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	Vốn cổ phần sở hữu Số cuối năm		Vốn cổ phần sở hữu Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	18.227.640.000	51,35	18.227.640.000	51,35
Đại tá Trương Ngọc Toán	6.379.670.000	17,97	6.379.670.000	17,97
Đại tá Vũ Tuấn Anh	4.556.910.000	12,84	4.556.910.000	12,84
Đại tá Bùi Viết Tuấn	3.645.540.000	10,27	3.645.540.000	10,27
Đại úy Nguyễn Thị Hoài Giang	1.822.760.000	5,13	1.822.760.000	5,13
Đại úy Nguyễn Trung Dũng	1.822.760.000	5,13	1.822.760.000	5,13
Cổ đông khác	17.272.360.000	48,65	17.272.360.000	48,65
Cộng	35.500.000.000	100	35.500.000.000	100

	Số đầu năm	Số cuối năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.550.000	3.550.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.550.000	3.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.550.000	3.550.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.550.000	3.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.550.000	3.550.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngoại tệ (USD)	695,87	695,87
Nợ khó đòi đã xử lý	300.321.710	300.321.710

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	372.490.418.358	409.011.751.425
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	367.302.876.663	404.031.890.041
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.187.541.695	4.979.861.384
Các khoản giảm trừ doanh thu	4.884.488.790	3.835.221.448
Chiết khấu thương mại;	4.884.208.800	3.827.624.539
Hàng bán bị trả lại.	279.990	7.596.909
Doanh thu thuần	367.605.929.568	405.176.529.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm, dịch vụ	314.997.071.377	347.966.640.079
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	232.146.432	(602.492.924)
Cộng	315.229.217.809	347.364.147.155

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	479.989.608	1.430.839.896
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	156.571
Cộng	479.989.608	1.430.996.467

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>26.108.855.354</i>	<i>26.939.714.774</i>
Chi phí lương, ăn ca	15.995.854.522	15.438.353.382
Chi phí khác	10.113.000.832	11.501.361.392
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<i>10.743.366.708</i>	<i>15.287.598.347</i>
Chi phí lương, ăn ca	4.422.916.418	4.837.497.969
Chi phí khác	6.320.450.290	10.450.100.378

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	16.285.253.758	17.229.585.024
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	16.285.253.758	17.229.585.024
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	3.257.050.752	3.445.917.004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	13.028.203.006	13.783.668.020
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu (*)	(1.361.983.000)	(1.455.283.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	11.666.220.006	12.328.385.020
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.550.000	3.550.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.286	3.473

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi tạm trích theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 1009/NQ – HĐQT ngày 01 tháng 12 năm 2017.

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	178.750.357.615	233.777.477.493
Chi phí nhân công	52.856.506.260	52.613.516.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.653.675.015	5.989.607.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.430.769.884	12.885.680.669
Chi phí khác bằng tiền	11.645.713.355	12.566.679.535
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	232.146.432	(602.492.924)
Cộng	259.569.168.561	317.230.468.782

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Rủi ro thị trường***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro thị trường***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.488.428.758	-	79.488.428.758
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77.607.267.806	-	77.607.267.806
Cộng	157.095.696.564	-	157.095.696.564
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	165.782.262.983	-	165.782.262.983
Chi phí phải trả	60.000.000	-	60.000.000
Cộng	165.842.262.983	-	165.842.262.983
Chênh lệch thanh khoản thuần	(8.746.566.419)	-	(8.746.566.419)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.136.950.180	-	23.136.950.180
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.277.956.224	-	27.277.956.224
Cộng	50.414.906.404	-	50.414.906.404
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	106.583.315.845	-	106.583.315.845
Chi phí phải trả	60.000.000	-	60.000.000
Cộng	106.643.315.845	-	106.643.315.845
Chênh lệch thanh khoản thuần	(56.228.409.441)	-	(56.228.409.441)

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp do trong khoản phải trả khác là khoản Cục quân nhu ứng vốn để sản xuất hàng quốc phòng. Ban Điều hành tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

Tổng Cục hậu cần
 Cục quân nhu
 Bệnh viện Quân y 354
 Công ty CP 32
 Công ty CP 26
 Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28
 Cục hậu cần - Quân khu 2
 Cục hậu cần - Quân khu 7
 Cục hậu cần - Quân khu 1
 Quân khu 5 - Cục hậu cần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***26. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Trong năm, Công ty có một số giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm nay VND
Bán hàng với các bên liên quan	
Tổng Cục hậu cần	34.500.000
Cục quân nhu	160.548.897.551
Bệnh viện Quân y 354	6.369.985.644
Công ty CP 32	1.666.061.800
Công ty CP 26	16.352.201.050
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	5.150.669.770
Cục hậu cần - Quân khu 2	1.181.010.000
Cục hậu cần - Quân khu 7	10.974.800.000
Cục hậu cần - Quân khu 1	1.081.000.000
Quân khu 5 - Cục hậu cần	1.024.100.000
Mua hàng với bên liên quan	
Tổng Cục hậu cần	400.000.000
Bệnh viện Quân y 354	68.090.000

Số dư với các bên liên quan

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của các bên liên quan từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Cục quân nhu	34.558.303.341	13.334.980.325
Bệnh viện Quân y 354	499.424.387	-
Công ty CP 32	350.390.800	70.785.000
Công ty CP 26	1.176.403.309	595.861.672
Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	1.535.505.770	645.300.000
Quân khu 5 - Cục hậu cần	736.500.000	-
Ứng trước của các bên liên quan từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Bệnh viện quân y 354	-	5.379.659.300
Trả trước cho các bên liên quan		
Tổng Cục Hậu Cần	-	400.000.000
Phải trả bên liên quan về cung ứng vốn, phân chia lợi nhuận		
Cục quân nhu - Ứng vốn sản xuất	100.000.000.000	60.000.000.000

Lương, phụ cấp, Cổ tức thực nhận của Ban Điều hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức thực nhận HĐQT và Ban Điều hành	265.440.000	-
Lương, phụ cấp, thù lao HĐQT và Ban Điều hành	1.782.261.229	2.190.199.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***27. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty hoạt động tại Hà Nội, TP.HCM. Báo cáo bộ phận thứ yếu của Công ty theo khu vực địa lý như sau:
(Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017)

Chỉ tiêu	Hà Nội	Chi nhánh TP.HCM	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng của các bộ phận	353.357.339.162	14.248.590.406	367.605.929.568
Giá vốn hàng bán của các bộ phận	303.010.775.049	12.218.442.760	315.229.217.809
Thu nhập bộ phận	50.346.564.113	2.030.147.646	52.376.711.759
Chi phí bán hàng			10.743.366.708
Chi phí quản lý doanh nghiệp			26.108.855.354
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh			15.524.489.697
Doanh thu tài chính			479.989.608
Chi phí tài chính			65.186.907
Thu nhập khác			345.961.360
Chi phí khác			-
Thuế TNDN hiện hành			3.257.050.752
Lợi nhuận sau thuế			13.028.203.006

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.



Nguyễn Trường Định
Người lập biểu

Ngày 08 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Hoài Giang
Kê toán trưởng



Trương Ngọc Toán
Chủ tịch HĐQT